

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 13/2020/DS-ST
Ngày 11-9-2020
V/v xin ly hôn, yêu cầu nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Công Khoan

Ông Hoàng Văn Đạo

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lương Thanh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2020 về vụ xin ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXX-ST ngày 21 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01/9/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị L, sinh năm 1999.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Chỗ ở hiện nay: Thôn S, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Dương Hữu H, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn H, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Dương Thị L trình bày:

Chị Dương Thị L và anh Dương Hữu H được tự do tìm hiểu, và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, ngày 08/11/2017, chị Dương Thị L và anh Dương Hữu H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; giấy chứng nhận kết hôn số 11/2017. Sau khi kết hôn chị L và anh H sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc được gần một năm, thì anh H thường xuyên đi cùng bạn bè chơi bời, rồi dính vào tệ nạn ma túy. Từ đó tình cảm vợ chồng không còn, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng chị L và anh H cũng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Chị L và

anh H sống ly thân từ năm 2019 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc, thương yêu nhau nữa. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L đề nghị được ly hôn với anh Dương Hữu H.

Về con chung: Có một con chung tên là Dương Minh Q, sinh ngày 15/9/2017. Hiện tại cháu Q đang ở với anh H, sau khi ly hôn chị L đồng ý để anh Dương Hữu H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Q đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); chị L cấp dưỡng 500.000 đồng/tháng để nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Dương Hữu H vắng mặt, tại bản tự khai ngày 21/7/2020 anh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Hữu H xác nhận thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn cũng như quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị L trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì anh Dương Hữu H cho rằng do chị L đi làm Công ty ở tỉnh khác nên vợ chồng mới mâu thuẫn. Anh Dương Hữu H không đồng ý ly hôn với chị Dương Thị L.

Về con chung: Anh Dương Hữu H trình bày có một người con chung như chị L đã trình bày. Khi ly hôn anh Dương Hữu H yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu chị L cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng để nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và đúng thẩm quyền. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh Dương Hữu H không có mặt, không hợp tác.

[2] Anh Dương Hữu H vắng mặt lần hai không có ý lý do. Mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Dương Hữu H. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Dương Hữu H là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình cảm: Quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị L và Dương Hữu H là hợp pháp có đăng ký hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm nên dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, hai vợ chồng đã ly thân không còn quan tâm nhau từ cuối năm 2019 đến nay, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc, quý trọng nhau. Tại bản tự khai ngày 21/7/2020 anh Dương Hữu H cũng đã xác định vợ chồng có mâu thuẫn và hôn nhân tan vỡ. Anh Dương Hữu H không đồng ý ly hôn, nhưng không đến tòa theo giấy triệu tập nhiều lần từ giai đoạn hòa giải cho đến khi Tòa án xét xử vụ án, như vậy anh H đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, không muốn

Tòa án hòa giải quay về đoàn tụ. Tại phiên tòa hôm nay chị L vẫn yêu cầu ly hôn với anh Dương Hữu H.

[4] Chị Dương Thị L và anh Dương Hữu H đã sống ly thân với nhau một thời gian, mỗi người ở một nơi không quan tâm chăm sóc đến nhau. Chị Dương Thị L xác định không còn tình cảm với anh Dương Hữu H và không thể quay về chung sống với anh H được nữa. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Dương Thị L yêu cầu ly hôn với anh Dương Hữu H là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị L là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Cháu Dương Minh Q, sinh ngày 15/9/2017 đang ở với anh Dương Hữu H, anh Dương Hữu H có yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn, và yêu cầu chị L Cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng để nuôi con. Chị L đồng ý cho anh H nuôi con chung như chỉ đồng ý cấp dưỡng 700.000 đồng/tháng để nuôi con. Chị L có cung cấp bảng thu nhập hàng tháng giao động từ 5 triệu đồng đến 7 triệu đồng; Tòa án đi xác minh thu nhập bình quân đầu người tại địa phương nơi anh H đang sinh sống, Chủ tịch Ủy ban thị trấn B, huyện B cho biết mức thu nhập của người lao động phổ thông trên địa bàn là 150.000 đồng/người/ngày. Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Dương Minh Q cho anh Dương Hữu H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và buộc chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng. Mức cấp dưỡng như vậy là phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và phù hợp với thu nhập của chị Dương Thị L.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con không có giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn về quan điểm giải quyết vụ án như sau: Về tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng quy định khi được Tòa án triệu tập; bị đơn không chấp hành quy định khi được tòa án triệu tập đến phiên tòa. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị L; giao con chung cho anh Dương Hữu H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; chị Dương Thị L phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành. Chị Dương Thị L phải chịu án phí theo quy định.

[8] Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5; điểm a khoản

6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị L được ly hôn với anh Dương Hữu H.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Minh Q, sinh ngày 15/9/2017 cho anh Dương Hữu H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Buộc chị Dương Thị L phải có nghĩa vụ cấp 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng một tháng) tính từ tháng 09/2020, để nuôi con cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Dương Thị L có quyền đi lại, thăm non con chung không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu; mà người phải thi hành án chưa thi hành, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không có.

4. Về án phí: Chị Dương Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con không có giá ngạch để sung vào công quỹ Nhà nước; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn theo biên lai thu số AA/2012/05845 ngày 29/5/2020. Chị Dương Thị L còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn. Tòa báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị đơn vắng mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc 15 ngày kể ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn; tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THA huyện Bắc Sơn; tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã H, huyện B; tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Mạnh Đức